

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 3 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân D:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Bà Ngô Hồng Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân D huyện Đam D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Đam D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Diễm Ph, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn Đam D, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Trung Ch, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Ấp Tân H, xã Tân D, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Ph trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Chị Ph và anh Ch chung sống năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân D thị trấn Đam D. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, gia đình có hoà giải hàn gắn nhưng không thành. Nay chị Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng anh Ch nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống chị Ph xác định chị và anh Ch không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Trung Ch có ý kiến như sau:* Mâu thuẫn giữa anh và chị Ph không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn, ngoài ra anh không có ý kiến gì khác. Do phải đi làm ăn xa nên anh xin từ chối tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Diễm Ph và anh Phạm Trung Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng D sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Chị Ph và anh Ch chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do giữa anh chị thường bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được. Từ nguyên nhân trên, chị Ph xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên chị Ph yêu cầu được ly hôn với anh Ch, anh Ch đồng ý ly hôn với chị Ph. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Ph, cho chị Ph ly hôn với anh Ch là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung và về nợ: Chị Ph xác định không có, anh Ch không có ý kiến gì về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí D sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng D sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Ph phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng D sự; Căn cứ khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Diễm Ph. Cho chị Huỳnh Diễm Ph được ly hôn với anh Phạm Trung Ch.

2. Án phí D sự sơ thẩm: Chi Huỳnh Diễm Ph phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000842 ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án D sự huyện Đầm D (chị Ph đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án D sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân D tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân D huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án D sự huyện Đầm D;
- Ủy ban nhân D thị trấn Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai